

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20/01/2025

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Ông Lê Công Đoàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 414/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc: *Tranh chấp về ly hôn*; theo Quyết định đưa ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Chu Thị Thu H**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Anh **Trần Bằng K**, sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc và nơi ở hiện nay tại: Thôn H, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Chu Thị Thu H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Bằng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 30/10/2012. Đây là kết hôn lần thứ nhất của tôi và anh K. Sau khi kết hôn tôi và anh K sống với nhau hòa thuận đến tháng 02/2024 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn là do tôi và anh K có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã

nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế, tôi và anh K đã sống ly thân nhau và đến tháng 7/2024 tôi cũng đã gửi đơn đến Tòa án giải quyết vụ án trên trong quá trình giải quyết tôi đã được cán bộ Tòa án khuyên giải để vợ chồng được đoàn tụ nên tôi đã rút đơn khởi kiện nhưng đến nay tình cảm vợ chồng không có cải thiện được. Chính vì những nguyên nhân trên tôi đề nghị Tòa án xem xét sớm giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K trong thời gian sớm nhất để tôi sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa tôi và anh K có 02 con chung là cháu Trần D, sinh ngày 11/8/2012 và cháu Trần Hà V, sinh ngày 24/4/2015. Khi ly hôn tôi là mẹ có nguyện vọng xin được nuôi cháu Trần Hà V đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Bằng K là bố được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần D đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản và công nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản và công nợ chung vợ chồng.

- Về án phí sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* *Bị đơn là anh Trần Bằng K* đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh K không đến Toà và cũng không gửi ý kiến trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, công nợ chung.

* *Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị Q là mẹ đẻ của chị H trình bày:* Ngày 26/12/2011 tôi đã tổ chức kết hôn cho con tôi là Chu Thị Thu H với anh Trần Bằng K. Sau một thời gian chung sống, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vẫn gắng gượng được nhưng đến năm 2016 đã không còn cố gắng được nữa. Và con tôi đã về nhà tôi ở vì con rẻ không đi làm để lo cho gia đình, chỉ chơi bời, tôi cũng đã khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Trong thời gian chung sống, H và K đã sinh được hai cháu là Trần D, sinh ngày 11/8/2012 và Trần Hà V, sinh ngày 24/4/2015. Đến thời điểm này, H xin ly hôn để tiếp tục cuộc sống và tôi đã đồng ý. Vậy tôi đề nghị Tòa án chấp nhận giải quyết cho H được ly hôn với anh K để sớm ổn định cuộc sống mới.

* *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

I. Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Toà án nhân dân huyện G đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chống đối, không chấp hành các quy định của pháp luật.

II. Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Thu H đối với anh Trần Bằng K. Chị Chu Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Bằng K.

2. Về việc nuôi con đề nghị:

+ Giao cháu Trần Hà V, sinh ngày 24/4/2015 cho chị Chu Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc;

+ Giao cháu Trần D, sinh ngày 11/8/2012 cho anh Trần Bằng K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh K không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh K không có yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 21/10/2024, nên đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Chu Thị Thu H có yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Bằng K nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc: Tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Trần Bằng K hiện đang cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện G, Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Bằng K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh K vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Thu H và anh Trần Bằng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã C, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 30/10/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, chị H và anh K sinh sống hoà thuận được một thời gian đến tháng 2 năm 2024, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống cũng như cách sống của mỗi người không hợp nhau. Tháng 7 năm 2024, chị H đã nộp đơn xin ly hôn với anh K tại Toà án nhưng sau đó rút đơn để hai anh chị hoà giải đoàn tụ nhưng không thành. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn, chị H và anh K đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội sinh sống từ đó cho đến nay. Nay, chị H xác định không còn tình cảm gì với anh K và kiên quyết xin ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương cho biết: Đầu năm 2024, chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã C, huyện G sinh sống, còn anh K và con trai là cháu Trần D đang thuê nhà ở tại thôn H, xã C, huyện G, Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Q là mẹ đẻ của chị H cũng xác nhận chị H và anh K sau một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị H đã về nhà bà ở. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không đi làm để lo cho gia đình mà chỉ chơi bời. Bà cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Như vậy, chị Chu Thị Thu H và anh Trần Bằng K không còn chung sống, không còn thương yêu, tôn trọng và tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Nay, chị H xin ly hôn với anh K là có căn cứ và phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh K.

[5]. Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung là cháu Trần D, sinh ngày 11/8/2012 và cháu Trần Hà V, sinh ngày 24/4/2015.

Xét thấy, hiện nay, cháu V đang ở với chị H cùng ông bà ngoại còn cháu D đang ở với bố. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Hà V đến tuổi trưởng thành, để anh Trần Bằng K là bố được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần D đến tuổi trưởng thành. Cháu V có nguyện vọng xin được ở với chị H, cháu D có nguyện vọng xin được ở với anh K.

Như vậy, hiện nay mỗi anh chị đang nuôi một cháu và các cháu đều có nguyện vọng ở với bố mẹ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Hà V, giao cho anh K được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần D là có căn cứ và đảm bảo cho 02 cháu có đủ điều kiện phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

[6]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh K không có yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh K không có yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[8]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Thu H nên chị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Thu H đối với anh Trần Bằng K. Chị Chu Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Bằng K.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Giao cháu Trần Hà V, sinh ngày 24/4/2015 cho chị Chu Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.2. Giao cháu Trần D, sinh ngày 11/8/2012 cho anh Trần Bằng K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh K không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh K không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Chu Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004491 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Trần Bằng K vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G, t/p Hà Nội;
- THADS huyện G, t/p Hà Nội;
- UBND xã C, huyện G, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng